TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN

(Tính đến ngày 05/09/2020)

Khoa: Design

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
1	CD91801433	Huỳnh Lệ	Hoa	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**
2	CD91800896	Phạm Huỳnh Gia	Lâm	**8**	-	-	-	-	8	-	-	**2**
1	CD91806153	Lâm Kim	Châu	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**10**
1	DH91703844	Lê Đức	Nhân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
2	DH91602506	Diệp Thụy Tường	Vy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
1	DH91701559	Huỳnh Diệp Trúc	Hàn	**2.5**	-	-	-	-	2.5	-	-	**12.5**
2	DH91701756	Nguyễn Thị Thanh	Nga	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91704030	Trần Nữ Diễm	Quỳnh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
4	DH91704216	Nguyễn Trí	Thông	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**14.5**
5	DH91702890	Hà Hữu	Tiến	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
6	DH91509022	Lê Thu	Trang	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
7	DH91601154	Dương Thảo	Vy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
1	DH91703197	Lâm Chí	Cường	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
2	DH91703265	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91703272	Huỳnh Thị Thùy	Dương	**29**	25	-	-	-	4	-	-	**0**
4	DH91701072	Đặng Quang	Hiếu	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
5	DH91703446	Trần Hải	Hoàng	**1**	-	-	-	-	1	-	-	**14**
6	DH91704802	Huỳnh Quang	Huy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
7	DH91703505	Võ Thanh	Huyền	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
8	DH91700339	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
9	DH91702897	Phùng Huy	Lập	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
10	DH91703614	Lê Vạn	Lộc	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
11	DH91703682	Hà Thái Hiệp	Luân	**29**	25	-	-	-	4	-	-	**0**
12	DH91703724	Phan	Minh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
13	DH91700461	Trần Nguyễn Hoài	Nam	**6.5**	-	-	-	-	6.5	-	-	**8.5**
14	DH91702472	Đặng Tông	Năng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
15	DH91703776	Nguyễn Thị Lệ	Ngân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
16	DH91703791	Đặng Duy	Ngọc	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**14.5**
17	DH91702131	Nguyễn Đức	Phát	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
18	DH91701922	Sầm Nhuận	Phát	**4**	-	-	-	-	4	-	-	**11**
19	DH91702234	Hồ Văn	Quý	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
20	DH91701194	Phan Thanh	Sơn	**4**	-	-	-	-	4	-	-	**11**
21	DH91702157	Lê Anh	Tài	**70**	56	-	-	-	14	-	-	**0**
22	DH91704299	Nguyễn Hồng Minh	Tấn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
23	DH91600025	Nguyễn Huỳnh Thế	Thanh	**8**	-	-	-	-	8	-	-	**7**
24	DH91704896	Võ Tấn	Thành	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
25	DH91702137	Phạm Hoàng	Thiện	**12**	-	-	-	1	11	-	-	**3**
26	DH91700017	Nông Ngọc Y	Trinh	**3.5**	-	-	-	1	2.5	-	-	**11.5**
27	DH91704491	Đặng Thị Hồng	Tươi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
28	DH91700719	Hà Minh	Tường	**5**	-	-	-	-	5	-	-	**10**
29	DH91700587	Tô Quốc	Việt	**6**	-	-	-	-	6	-	-	**9**
30	DH91700390	Trần Thị Lan	Vy	**46**	37	-	-	1	8	-	-	**0**
1	DH91704856	Huỳnh Minh	Anh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
2	DH91702650	Nguyễn Huỳnh	Đình	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91703594	Trần Thị Mỹ	Lệ	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
4	DH91703640	Nguyễn Mỹ	Linh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
5	DH91701133	Nguyễn Lam	Thảo	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
6	DH91702180	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**14.5**
7	DH91700680	Nguyễn Thị Anh	Thư	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
1	DH91801091	Lưu Thị	Lý	**3.5**	-	-	-	-	3.5	-	-	**11.5**
2	DH91803834	Hà Kiều	Oanh	**17.5**	11	-	-	-	6.5	-	-	**0**
3	DH91800490	Đỗ Thị Mỹ	Phương	**4.5**	-	-	-	-	4.5	-	-	**10.5**
4	DH91800134	Lê Thị	Thìn	**16.5**	12	-	-	-	4.5	-	-	**0**
5	DH91800919	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	**3**	-	-	-	-	3	-	-	**12**
1	DH91803832	Bùi Thị Loan	Anh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
2	DH91804319	Nguyễn Thanh	Bình	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91709024	Trần Hùng	Chiến	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
4	DH91702881	Võ Thành	Công	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
5	DH91802985	Lê Hồng	Cường	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
6	DH91804394	Phạm Ngọc	Diệu	**1.5**	-	-	-	-	1.5	-	-	**13.5**
7	DH91800897	Nguyễn Phương	Duy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
8	DH91804667	Nguyễn Ngọc	Hạnh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
9	DH91804659	Phạm Thanh	Hằng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
10	DH91800750	Diệp Gia	Hân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
11	DH91801313	Phạm Lê Gia	Hân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
12	DH91800837	Trần Quốc	Hoàn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
13	DH91804704	Trần Minh	Hoàng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
14	DH91804734	Trần Đức Anh	Hùng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
15	DH91804780	Đồng Nhật	Huyền	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
16	DH91800689	Nguyễn Trần Điền	Hy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
17	DH91800713	Trần Mộng	Kha	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
18	DH91806277	Trần Quốc	Khải	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
19	DH91802451	Phạm Duy	Khánh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
20	DH91804917	Phương Tuấn	Kiệt	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
21	DH91805003	Đinh Hoàng	Lĩnh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
22	DH91803664	Trần Quốc	Long	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
23	DH91804184	Trần Tuấn	Lợi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
24	DH91804956	Lưu Văn	Lợi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
25	DH91801753	Phan Nhật	Nam	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
26	DH91800194	Huỳnh Bảo	Nghi	**1.5**	-	-	-	-	1.5	-	-	**13.5**
27	DH91702807	Nguyễn Thùy Như	Ngọc	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
28	DH91801055	Trần Hạnh	Nguyên	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**14.5**
29	DH91801170	Nguyễn Thanh	Nhã	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**14.5**
30	DH91801205	Châu Ngọc Tú	Nhi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
31	DH91800351	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
32	DH91801918	Chung Tiến	Phát	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
33	DH91800110	Hoàng	Phong	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
34	DH91803918	Phạm Nguyễn Huy	Phúc	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
35	DH91803856	Nguyễn Văn	Quân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
36	DH91805484	Nguyễn Thị Hồng	Son	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
37	DH91803827	Huỳnh Thái	Thạch	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
38	DH91805557	Nguyễn Kim Ngọc	Thành	**1.5**	-	-	-	-	1.5	-	-	**13.5**
39	DH91803235	Trần Trung	Thành	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
40	DH91806225	Trương Trần Ngọc	Thảo	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
41	DH91709014	Lê Anh Đức	Thiện	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
42	DH91805657	Lê Trí	Thông	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
43	DH91805678	Nguyễn Thanh	Thuận	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
44	DH91701390	Lê Vĩnh	Tín	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
45	DH91803001	Lê Ngọc	Trân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
46	DH91800239	Nguyễn Phát	Triển	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
47	DH91800654	Nguyễn Long	Triều	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
48	DH91805974	Nguyễn Thị Vi	Tuyền	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
49	DH91800116	Lương Hàn	Uyên	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
50	DH91702889	Lâm Hoàng	Việt	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
51	DH91802059	Quách Phú	Vinh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
52	DH91806105	Hồ Thị Mai	Xuân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
1	DH91800903	Nguyễn Trường	An	**15**	-	-	-	-	15	-	-	**0**
2	DH91803466	Nguyễn Xuân	Bão	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91803390	Nguyễn Thảo	Duyên	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
4	DH91804529	Nguyễn Thành	Đạt	**14.5**	14.5	-	-	-	-	-	-	**0.5**
5	DH91804575	Lưu Thanh	Hân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
6	DH91802748	Đào Thái	Huy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
7	DH91804757	Nguyễn Kim	Huy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
8	DH91703661	Đỗ Thành	Long	**15**	-	-	-	-	15	-	-	**0**
9	DH91801667	Nguyễn Tống Xuân	Mãi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
10	DH91802719	Nguyễn Huỳnh	Nga	**8**	-	-	-	-	8	-	-	**7**
11	DH91801212	Nguyễn Thị	Ngoan	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
12	DH91700341	Phạm Minh	Ngọc	**22**	22	-	-	-	-	-	-	**0**
13	DH91800477	Nguyễn Thành	Tâm	**4**	-	-	-	-	4	-	-	**11**
14	DH91802524	Nguyễn Hoàng Minh	Tân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
15	DH91805645	Phạm Hồ Phương	Thảo	**15**	15	-	-	-	-	-	-	**0**
16	DH91805959	Nguyễn Mạnh	Tùng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
1	DH91902778	Trương Đình	Ân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
2	DH91902178	Phạm Huy	Bình	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91900198	Lê Ngọc	Hải	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
4	DH91905294	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
5	DH91901094	Lưu Dương	Lý	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
6	DH91904196	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
7	DH91900089	Nguyễn Văn	Phú	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
8	DH91904313	Hà Minh	Quân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
1	DH91803785	Lê Nhật	Bảo	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
2	DH91903473	Lê Ti	Gôn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91903681	Phan Văn Quốc	Huy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
4	DH91900058	Lê Phạm Thanh	Loan	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
5	DH91905448	Huỳnh Thuận	Nhơn	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
1	DH91903201	Lâm Gia	Bảo	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
2	DH91902339	Võ Duy	Dương	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91905315	Nguyễn Tấn	Đạt	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
4	DH91903548	Nguyễn Văn	Hậu	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
5	DH91901372	Bùi Phan Phụng	Hoàng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
6	DH91905593	Phạm Vũ Phú	Hoàng	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
7	DH91903655	Huỳnh Quang	Huy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
8	DH91902569	Nguyễn Văn Trường	Huy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
9	DH91901662	Lương Tiểu	Long	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
10	DH91902483	Nguyễn Đăng Quốc	Minh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
11	DH91902893	Thái Ngọc Gia	Nghi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
12	DH91904082	Trần Trung	Nghiên	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
13	DH91904106	Nguyễn Khôi	Nguyên	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
14	DH91904167	Nguyễn Thảo	Nhi	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
15	DH91904286	Nguyễn Mai	Phương	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
16	DH91901338	Nguyễn Hồng	Quân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
17	DH91901448	Lê Như	Quỳnh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
18	DH91902318	Nguyễn Nhựt	Thành	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
19	DH91801207	Phan Kim	Thoại	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
20	DH91900387	Bùi Tín	Trung	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
21	DH91904805	Trần Tuấn	Tú	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
22	DH91900800	Nguyễn Phương	Tuyền	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
23	DH91902708	Đỗ Thị Thanh	Vân	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
24	DH91900033	Hồ Nguyễn Huy	Vũ	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
25	DH91905102	Ng Trần Hoàng Trúc	Vy	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
1	DH91902699	Hồ Nguyễn Mỹ	An	**1**	-	-	-	1	-	-	-	**14**
2	DH91905622	Lưu Đức	Anh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
3	DH91802829	Phạm Tuấn	Anh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
4	DH91901604	Trần Châu Chí	Cường	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
5	DH91905262	Lý Ngọc	Hân	**0.5**	-	-	-	-	0.5	-	-	**14.5**
6	DH91902145	Diệp Gia	Hiếu	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
7	DH91905583	Hoàng Ngọc Bảo	Khánh	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
8	DH91905591	Đoàn Tuấn	Việt	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**
9	DH91903043	Nguyễn Thị Thu	Yến	**0**	-	-	-	-	-	-	-	**15**

Ghi chú: Nội dung thực hiện

1: Các chiến dịch tình nguyện

2: Hoạt động bảo vệ môi trường

3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,…

4: Hiến máu nhân đạo

5: Các hoạt động công tác xã hội khác

6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai

7: Các lớp học tình thương

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Người lập bảng

Đã ký

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

Phụ trách phòng công tác Sinh viên

Đã ký

ThS. Lê Thị Phương Hằng